

Bản án số: 246/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, về “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Ngọc N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Thái Văn C, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Dương Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Ngọc N và anh Thái Văn C chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh C đánh bạc, cầm xe, trộm cắp tài sản, đến năm 2014 chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng do anh C bị tai nạn giao thông nên chị rút đơn khởi kiện và cũng để cho anh C có cơ hội sửa chữa sai lầm. Sau khi anh C điều trị bệnh, anh chị tiếp tục chung sống với nhau nhưng anh C không thay đổi mà vẫn tiếp tục đánh bạc, cầm xe, trộm cắp tài sản và đã bị Công an thị trấn ĐD xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và trộm cắp tài sản. Chị N xác định năng lực hành vi của anh C vẫn bình thường. Chị N yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị N và anh C có hai người con chung tên Thái Ngọc N, sinh ngày 11/01/2005 và Thái Đại H, sinh ngày 21/02/2010. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có.

Tại phiên tòa, chị N xác định năng lực hành vi của anh C vẫn bình thường nên không yêu cầu Tòa án giám định tâm thần đối với anh C.

Anh Thái Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện kết hôn nhưng không nhớ rõ thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Từ khi bị tai nạn giao thông đến nay, trí nhớ của anh kém, anh có chạy xe ôm, có chạy xe máy về nhà cha mẹ đẻ và có đánh bài ăn tiền, anh có cầm chiếc xe máy giá 6.000.000 đồng đi đánh bài, đá gà ăn tiền và đã bị Công an thị trấn ĐD xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng, hiện nay anh đang sống chung với chị N. Anh C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị N và yêu cầu giám định tâm thần đối với anh.

Về con chung: Anh C thống nhất lời trình bày của chị N, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc N, cho chị Dương Ngọc N được ly hôn với anh Thái Văn C; Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng (đã nộp xong, chuyển thu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Thái Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C là phù hợp.

[2] Về năng lực hành vi tố tụng dân sự: Theo biên bản hòa giải ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thể hiện, anh C yêu cầu Tòa án giám định tâm thần. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C làm việc liên quan đến yêu cầu giám định tâm thần nhưng anh vẫn vắng mặt, không

có lý do. Ngày 17 tháng 8 năm 2018 Tòa án tổng đạt trực tiếp thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 122/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2018 với nội dung quy định cho anh C trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nhưng anh vẫn không nộp. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tòa án đến làm việc trực tiếp với anh C về yêu cầu giám định và anh xác định vẫn tiếp tục yêu cầu giám định tâm thần, Tòa án đã yêu cầu anh phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 03/10/2018 để làm thủ tục giám định tâm thần nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do. Ngày 05/10/2018, Tòa án tiếp tục làm việc trực tiếp với anh C yêu cầu anh cung cấp hồ sơ thủ tục để tiến hành giám định tâm thần trong thời hạn 15 ngày nhưng anh vẫn không cung cấp. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh C phải có nghĩa vụ chứng minh, anh thuộc trường hợp có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị mất năng lực hành vi nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, theo công văn số 304/BV-KHTH ngày 31/7/2018 của Bệnh viện quân y 121 về việc xác nhận tình trạng bệnh của bệnh nhân khoa Ngoại thần kinh xác định: Bệnh nhân Thái Văn C có điều trị tại Bệnh viện ba lần và xác định tình trạng lúc bệnh nhân ra viện: Bệnh nhân tỉnh, không dấu hiệu thần kinh khu trú và tại các biên bản xác minh đối với Dương Thanh H, Diệp Văn T và Lê Kim T xác định anh C không có dấu hiệu của bệnh thần kinh. Tại phiên tòa, chị N xác định năng lực hành vi của anh C vẫn bình thường nên không yêu cầu Tòa án giám định tâm thần đối với anh C. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định anh C có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Theo chị N, anh C và Giấy chứng nhận kết hôn số 13, Quyền số 01/2004 thể hiện anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD vào ngày 27/02/2004, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Vào năm 2014, chị N đã gửi đơn khởi kiện ly hôn anh C nhưng do sau đó anh C bị tai nạn giao thông và cũng để cho anh C có cơ hội để sửa chữa sai lầm nên chị N rút đơn khởi kiện, nhưng anh C vẫn không thay đổi mà tiếp tục không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc, trộm cắp tài sản và anh đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Điều này cho thấy, anh C đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Mặc dù anh C không đồng ý ly hôn nhưng anh đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do, điều này thể hiện anh không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Chị N và anh C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Ngọc N được ly hôn với anh Thái Văn C.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009471 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Dương Ngọc N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thái Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn ĐD, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng